



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY



Trụ sở chính: Số 23/61 đường Trần Duy Hưng - Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: 04. 6251 0008 - **Fax:** 04. 6251 1327

Email: thanglongtdk@gmail.com

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.vn

Website: www.kiemtoantaichinh.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Cho năm tài chính 2011 kết thúc ngày 31/12/2011

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán	5
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	10 - 28
	<i>Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình</i>	29
	<i>Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu</i>	30
	<i>Phụ lục số 03: Bảng xác định lợi ích của cổ đông thiểu số</i>	32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng 47 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Xây dựng 47 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 6 năm 2005.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có 09 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 09 vào ngày 02/8/2010 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Theo đó:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: xây dựng, thương mại, dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu; Đại tu xe, máy thi công. Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý dịch vụ Internet. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Dịch vụ quảng cáo. Đại lý vé máy bay, tàu hỏa. Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Cho thuê xe ô tô. Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa và xử lý nền móng công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài./.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 8 Biên Cương - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.

Vốn điều lệ của Công ty: **80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng).**

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty con: Công ty cổ phần Du lịch Hàm Hô	Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của công ty mẹ là: 73,83%	
Công ty liên kết:	
- Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn	Số 79, khối 8, phường Thành Nhất - Buôn Mê Thuật - Đắk Lắk
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ là: 5,6%	
- Công ty cổ phần thủy điện Định Bình	Lô 28,29,30 Đường Điện Biên Phủ - Tp Quy Nhơn - Bình Định
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ là: 18,26%	

Các sự kiện trong kỳ hoạt động, các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Công ty mua lại Quyền sử dụng đất diện tích 488,5 m² và nhà trên đất tại địa chỉ 4/7 đường số 3, KP5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức làm văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty góp thêm vốn vào Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn số tiền 18.120.000.000 VND, tăng số tiền góp vốn từ 480.000.000 VND lên 18.600.000.000 VND <trương ứng tăng tỷ lệ vốn góp từ 0,14% lên 5,6%>.

Công ty đang tiến hành thiết kế và xây dựng lại trụ sở Công ty tại số 08 Biên Cương - thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Lương Am	Chủ tịch	(Bầu ngày 23 tháng 5 năm 2010)
Ông Nguyễn Văn Tôn	Phó Chủ tịch	(Bầu ngày 23 tháng 5 năm 2010)
Ông Lê Văn Đồng	Ủy viên	(Bầu ngày 23 tháng 5 năm 2010)
Ông Đinh Tấn Dương	Ủy viên	(Bầu ngày 23 tháng 5 năm 2010)
Ông Phạm Văn Nho	Ủy viên	(Bầu ngày 23 tháng 5 năm 2010)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Lương Am	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2005)
Ông Vũ Xuân Chính	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2008)
Ông Lê Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2005)
Ông Đinh Tấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 12 năm 2009)
Ông Nguyễn Đức Thái	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2010)
Ông Nguyễn Văn Tôn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2005)
Ông Phạm Văn Nho	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2005)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty trong năm tài chính tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ hoạt động tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 01 năm 2012.

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Am



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

THANG LONG - T. D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội
Chi nhánh Miền Nam
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM
Chi nhánh Đà Nẵng
Chi nhánh Lạng Sơn

Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội
C14, Quang Trung, phường 11
Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP.HCM
Số 42 Trần Tống, TP.Đà Nẵng
Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu

-Tel: (04)6 251 0008
-Tel: (08)3 589 7462
-Tel: (08)3 848 0763
-Tel: (0511)3 651 818
-Tel: (025)3 718 545

-Fax: (04)6 251 1327
-Fax: (08)3 589 7464
-Fax: (08)3 526 7187
-Fax: (0511)3 651 868
-Fax: (025)3 716 264

Số: 88A.3 /2011/BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty cổ phần Xây dựng 47

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng 47

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Xây dựng 47 được lập ngày 20/01/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xây dựng 47 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Thăng Long - T.D.K

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2012



Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Từ Quỳnh Hạnh

Lưu Anh Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0313/KTV

Chứng chỉ KTV số: 1026/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		913.390.947.510	835.864.982.997
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		107.768.023.601	31.278.299.280
1	Tiền	111	V.01	77.768.023.601	31.278.299.280
2	Các khoản tương đương tiền	112	V.02	30.000.000.000	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		445.738.637.801	656.134.018.264
1	Phải thu khách hàng	131	V.03	390.225.064.352	607.803.773.913
2	Trả trước cho người bán	132	V.04	43.262.734.802	41.594.033.358
3	Các khoản phải thu khác	138	V.05	12.250.838.647	6.736.210.993
IV	Hàng tồn kho	140		354.836.085.228	144.619.339.145
1	Hàng tồn kho	141	V.06	354.836.085.228	144.619.339.145
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		5.048.200.880	3.833.326.308
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	6.956.909	193.168.550
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.986.363	-
3	Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	152	V.08	3.925.639	2.690.623
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.09	5.026.331.969	3.637.467.135
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		400.454.749.460	398.669.810.003
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		364.264.571.686	383.415.706.345
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	352.490.859.973	371.848.740.801
	- Nguyên giá	222		645.182.512.279	582.712.247.410
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(292.691.652.306)	(210.863.506.609)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	11.405.246.056	352.177.130
	- Nguyên giá	228		11.911.730.290	669.682.273
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(506.484.234)	(317.505.143)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	368.465.657	11.214.788.414
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31.800.000.000	13.680.000.000
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	31.800.000.000	13.680.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		4.390.177.774	1.574.103.658
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.091.285.774	329.411.658
2	Tài sản dài hạn khác	268	V.15	1.298.892.000	1.244.692.000
VI	Lợi thế thương mại			-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.313.845.696.970	1.234.534.793.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		1.158.747.904.101	1.086.682.953.806
I	Nợ ngắn hạn	310		858.961.811.848	777.454.459.569
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	562.938.811.070	475.388.315.801
2	Phải trả người bán	312	V.17	201.949.093.138	183.167.293.437
3	Người mua trả tiền trước	313	V.18	24.995.377.849	24.683.998.974
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	24.788.337.685	20.548.844.720
5	Phải trả công nhân viên	315		32.104.220.768	37.988.791.503
6	Chi phí phải trả	316	V.20	-	22.939.914.674
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.21	11.005.268.645	11.921.171.430
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.180.702.693	816.129.030
II	Nợ dài hạn	330		299.786.092.253	309.228.494.237
1	Vay và nợ dài hạn	334	V.22	294.785.657.770	305.522.132.854
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.000.434.483	3.706.361.383
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400	V.23	153.110.506.944	145.944.309.067
I	Vốn chủ sở hữu	410		153.110.506.944	145.944.309.067
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		23.467.650.000	23.467.650.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.449.146.977	10.449.146.977
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		525.283	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	417		15.643.647.685	12.022.441.693
6	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.159.862.437	3.952.793.773
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		52.276.624	52.276.624
8	Lợi nhuận chưa phân phối	420		18.337.397.938	16.000.000.000
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		1.987.285.925	1.907.530.127
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		1.313.845.696.970	1.234.534.793.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngoại tệ các loại (USD)	005		397,34	13.954,78

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc




Nguyễn Lương Am



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.21	1.295.507.663.430	1.577.600.472.935
2	Các khoản giảm trừ	3	V.22	73.432.347	42.132.170
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.23	1.295.434.231.083	1.577.558.340.765
4	Giá vốn hàng bán	11	V.24	1.098.542.838.728	1.437.637.242.379
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		196.891.392.355	139.921.098.386
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.25	5.455.451.904	4.960.646.239
7	Chi phí tài chính	22	V.26	138.547.749.064	76.014.939.259
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		122.076.677.016	60.869.834.806
8	Chi phí bán hàng	24		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.27	32.981.155.530	31.897.259.726
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.817.939.665	36.969.545.640
11	Thu nhập khác	31	V.28	1.090.639.067	1.195.362.524
12	Chi phí khác	32		30.900.634	345.492.015
13	Lợi nhuận khác	40		1.059.738.433	849.870.509
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.877.678.098	37.819.416.149
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.29	7.516.838.676	8.620.057.026
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.360.839.422	29.199.359.123
18	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		79.851.105	15.166.993
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		24.280.988.317	29.184.192.130
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.035	4.874

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Phạm Văn Nho

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Am

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.573.795.437.317	1.186.224.833.846
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(1.162.248.957.949)	(1.149.497.610.596)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3	(207.240.095.867)	(168.983.550.803)
4	Tiền chi trả lãi vay	4	(122.076.677.016)	(75.935.774.174)
5	Tiền chi nộp thuế	5	(8.613.801.163)	(5.647.650.965)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.480.196.285	1.719.011.555
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(1.143.613.359)	(1.103.015.504)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	73.952.488.248	(213.223.756.641)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(45.320.478.789)	(116.710.849.935)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	449.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18.120.000.000)	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.496.919.792	4.924.834.691
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(57.943.558.997)	(111.337.015.244)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	54.512.500.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.088.377.118.945	983.624.551.340
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.011.767.815.601)	(738.080.932.383)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.137.518.049)	(19.950.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	60.471.785.295	280.106.118.957
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	76.480.714.546	(44.454.652.928)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.278.299.280	75.727.120.304
	ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.009.775	5.831.904
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	107.768.023.601	31.278.299.280

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Am

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 09 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 09 vào ngày 02/08/2010 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng chẵn).**

Cơ cấu vốn điều lệ :

- Vốn góp của Nhà nước : 20.076.427.000 VND <trương đương 25,96%>
- Vốn góp của các đối tượng khác : 59.235.730.000 VND <trương đương 74,04%>.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, kinh doanh, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu; Đại tu xe, máy thi công. Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý dịch vụ Internet. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Dịch vụ quảng cáo. Đại lý vé máy bay, tàu hỏa. Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Cho thuê xe ô tô. Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa và xử lý nền móng công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài./.

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô

Địa chỉ: Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định.

5. Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ và quyền biểu quyết:

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ :	73,83%	73,83%
Quyền biểu quyết :	73,83%	73,83%
Vốn công ty con :	7.129.000.000	7.129.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8 Biên Cương - Quý Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 056 3522 166 Fax: 056 3522 316

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2011

Vốn góp công ty mẹ :	5.330.000.000	5.330.000.000
Vốn góp cổ đông thiểu số :	1.889.000.000	1.889.000.000

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng:***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:**1. Ước tính kế toán:**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Cổ phần Xây dựng 47 kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Cổ phần Xây dựng 47 có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ phần Xây dựng 47 và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính

giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Nguyên tắc hợp nhất Báo cáo tài chính:

Công ty mẹ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất phải hợp nhất báo cáo tài chính riêng của mình và của công ty con do công ty mẹ kiểm soát.

Công ty mẹ không được loại trừ ra khỏi báo cáo tài chính hợp nhất các báo cáo tài chính của công ty con có hoạt động kinh doanh khác biệt.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo nguyên tắc kế toán và nguyên tắc đánh giá theo chuẩn mực số 21 "Trình bày báo cáo tài chính" và quy định của các chuẩn mực kế toán khác.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở áp dụng chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự trong tập đoàn.

4. Trình tự và phương pháp hợp nhất:

Cộng các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con.

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có).

Tách và trình bày lợi ích của cổ đông thiểu số thành chỉ tiêu riêng biệt.

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn công ty.

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất.

Lập báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ.

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông thiểu số;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**5.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc năm kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

5.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

6.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

6.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

6.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.

6.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và dịch vụ nhà hàng, khách sạn. Nhu cầu sử dụng đến đâu, nhập nguyên vật liệu hàng hóa đến đó. Hàng tồn kho cuối kỳ của công ty chủ yếu là nguyên vật liệu chuẩn bị tập kết vào công trình và giá trị công trình dở dang nên công ty không trích lập dự phòng hàng tồn kho.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

7.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

7.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và dịch vụ nhà hàng, khách sạn. Với hoạt động xây dựng: công ty chủ yếu thi công các công trình dùng nguồn vốn Ngân sách; với hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ: chủ yếu là thu tiền ngay nên công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

8. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

4.1. Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hoá đơn tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

4.2. Nguyên tắc xác định khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải trả đã nhận được hoá đơn tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

7.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là giá mua cộng toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 08 năm
- Các tài sản khác	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

Lãi, lỗ thanh lý TSCĐ được hạch toán như một khoản lãi hoặc lỗ trong kỳ phát sinh nghiệp vụ.

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, không trích khấu hao.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

8.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 02 kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Chi phí chuyển địa điểm;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn ;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn ;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản ;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn ;
- Chi phí quảng cáo ;

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 5 năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:**12.1 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm:

- Lãi vay phải trả

12.2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được trình bày tại Mục 1.2 nêu trên.

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được Công ty áp dụng cho một số khoản vay, công nợ phải trả theo hình thức ký hợp đồng "hoán đổi lãi suất" với ngân hàng, hoặc hợp đồng "mua bán ngoại tệ có kỳ hạn".

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm các năm trước và khoản khác được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

15. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**16.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

16.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

16.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16.4. Doanh thu Hợp đồng xây dựng: được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải được xác định theo hợp đồng kinh tế, biên bản xác nhận dịch vụ hoàn thành, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng, Trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp

17.1 Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

17.2 Phương pháp lập dự phòng: Doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất trích bảo hành công trình xây lắp đã tiêu thụ trong năm và tiến hành lập dự phòng cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Tổng mức trích lập dự phòng bảo hành của các công trình xây lắp theo quy định đã cam kết với khách hàng chiếm 2% trên tổng giá trị công trình.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có). Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán <Đơn vị tính: VND>

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.612.858.989	3.955.553.717
Cty CP Xây Dựng 47	2.612.619.248	3.931.075.408
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	239.741	24.478.309
Tiền gửi ngân hàng	75.155.164.612	27.322.745.563
Tiền Việt Nam	75.146.888.814	27.050.538.908
Cty CP Xây Dựng 47	74.866.350.051	26.820.072.810
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	73.853.555.592	17.401.738.381
- Ngân hàng Vietcombank Quy Nhơn	1.010.844.459	86.779.429
- Ngân hàng TMCP Công thương	1.950.000	9.331.555.000
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	280.538.763	230.466.098
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	280.538.763	21.571.744
- Ngân hàng NN PTNT Tây Sơn		208.894.354
Ngoại tệ (USD)	8.275.798	272.206.655
Cty CP Xây Dựng 47	8.275.798	272.206.655
- Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (397,34 USD)	8.275.798	272.206.655
Cộng	77.768.023.601	31.278.299.280
2. Các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn Ngân hàng BIDV VN - CN Bình Định	30.000.000.000	-
Cộng	30.000.000.000	-
3. Phải thu của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty	388.102.462.607	606.142.647.729
Khách sạn Hải Âu	640.455.095	1.008.717.884
Công trường Bình Đề	1.308.546.500	618.466.200
Trung tâm dạy nghề	154.967.000	-
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	18.633.150	33.942.100
Cộng	390.225.064.352	607.803.773.913
4. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Cty	43.262.734.802	41.594.033.358
Xây dựng Khách sạn Hải Âu	-	-
Cộng	43.262.734.802	41.594.033.358
5. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty	3.139.740.064	1.681.310.474
Công trường Sêrêpôk 4	862.088.757	527.584.446

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

Công trường A Lưới	412.212.500	425.748.000
Công trường Phước Hòa	302.505.494	340.000.493
Công trường Đồng Nai 4	1.893.196.340	1.055.791.433
Công trường Cây Ké	-	268.552.340
Công trường Krong Buk	32.504.389	-
Công trường Bình Khê	24.454.500	15.615.000
Công trường Nước Trong	1.676.455.445	489.105.511
Công trường Sông Bung 4	280.339.410	57.774.937
Công trường Tà Rục	1.163.705.994	95.550.000
Công trường Thượng Kon Tum	1.208.122.849	111.755.144
Xây dựng nhà 11 Biên Cương	-	592.808.461
Công trường Văn Phong	4.580.549	-
Công trường NMTĐ Định Bình	8.345.099	-
Công trường Tà Trạch	108.918.000	-
Cty CP Du Lịch Hàm Hồ	1.072.994.013	1.074.614.754
Khách sạn Hải Âu (Dư Nợ TK 338)	60.675.244	-

Cộng

12.250.838.647

6.736.210.993

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	354.739.562.031	144.541.585.695
Nguyên liệu, vật liệu	88.275.409.089	66.680.000.119
Công cụ, dụng cụ	1.051.943.221	863.732.232
Chi phí SX, KD dở dang	264.861.896.544	76.738.000.140
Hàng hóa	550.313.177	259.853.204
Cty CP Du Lịch Hàm Hồ	96.523.197	77.753.450
Nguyên liệu, vật liệu	7.200.154	9.418.561
Công cụ, dụng cụ	-	5.202.128
Hàng hóa	89.323.043	63.132.761

Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho

354.836.085.228

144.619.339.145

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	6.956.909	193.168.550
Cộng	6.956.909	193.168.550

8. Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	3.925.639	2.690.623
Cộng	3.925.639	2.690.623

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

9. Tài sản ngắn hạn khác <tạm ứng>	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản tạm ứng của Công ty mẹ	4.864.770.549	3.637.467.135
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	161.561.420	-
Cộng	5.026.331.969	3.637.467.135

10. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2011	102.745.000	566.937.273	669.682.273
Tăng trong năm	11.242.048.017	-	11.242.048.017
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2011	11.344.793.017	566.937.273	11.911.730.290
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2011	-	317.505.143	317.505.143
Khấu hao trong năm	-	188.979.091	188.979.091
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2011	-	506.484.234	506.484.234
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2011	102.745.000	249.432.130	352.177.130
Số dư tại ngày 31/12/2011	11.344.793.017	60.453.039	11.405.246.056

Công ty cp Xây dựng 47: Quyền sử dụng đất diện tích 488,5 m² tại địa chỉ 4/7 đường số 3, KP5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

Công ty cp DL Hàm Hô: Giá trị quyền sử dụng đất đầu năm tại Tây Phú, Sơn Tây không xác định thời hạn nên trích khấu hao.

12. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Sửa chữa lớn khách sạn Hải Âu	-	10.336.097.363
Nhà 11 Biên Cương	-	676.258.211
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	368.465.657	202.432.840
Cộng	368.465.657	11.214.788.414

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn <5,6% vốn điều lệ>	18.600.000.000	480.000.000
Công ty CP Thủy điện Định Bình <18,26% vốn điều lệ>	13.200.000.000	13.200.000.000
Cộng	31.800.000.000	13.680.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ khách sạn Hải Âu	-	329.411.658
Tiền GPMB cụm CN Phước An, Tuy Phước	2.859.085.500	
Chi phí công cụ dụng cụ Cty CP Du Lịch Hàm Hô	232.200.274	-
Cộng	3.091.285.774	329.411.658
15. Tài sản dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.298.892.000	1.244.692.000
Ký quỹ XNK lao động	1.000.000.000	1.000.000.000
Ký quỹ môi trường	298.892.000	244.692.000
Cộng	1.298.892.000	1.244.692.000
16. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định	562.533.476.498	474.995.828.870
Vay các đối tượng khác	405.334.572	392.486.931
Cộng	562.938.811.070	475.388.315.801
17. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Cty	160.695.990.003	148.367.926.986
Khách sạn Hải Âu	1.107.196.471	542.410.167
Xưởng sửa chữa	-	206.250.000
Công trường Bình Đê	182.655.000	95.985.000
Công trường Đồng Nai 4	34.025.678.222	33.010.301.523
Công trường sông Bung 5	5.732.627.789	483.321.875
Xây dựng nhà 11 Biên Cương		288.802.429
Cty CP Du Lịch Hàm Hô	204.945.653	172.295.457
Cộng	201.949.093.138	183.167.293.437
18. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Lòng Sông (đường)	570	570
Cty xây dựng thủy lợi 24	127.880.000	127.880.000
Công trình Hà Nhe	1.240.000	1.240.000
Công trình Hồ Định Bình	11.093.143.076	1.304.033.076
Công trình Sông Trâu	43.547.180	43.547.180
Công trình Tả Trạch	7.700.077.000	-
Công trình Văn Phong	-	18.550.277.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

Công trình Tà Rục	500.000.000	-
Công trình Đambri	1.000.000.000	1.000.000.000
Công trình Sông Bung 4A	-	3.657.021.148
Công trình Tiên Thuận	4.000.000.000	-
Công trình NMTĐ Định Bình	529.490.023	-
Cộng	24.995.377.849	24.683.998.974

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cty CP Xây Dựng 47</i>	<i>24.763.026.967</i>	<i>20.545.658.601</i>
Thuế GTGT	19.930.526.018	14.588.091.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.865.571.619	5.988.801.166
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.096.157	5.257.344
Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước khác	(37.166.827)	(36.490.927)
<i>Cty CP Du Lịch Hàm Hô</i>	<i>25.310.718</i>	<i>3.186.119</i>
Thuế GTGT	25.310.718	3.186.119
Cộng	24.788.337.685	20.548.844.720

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Đồng Nai 4	-	10.231.301.906
Công trình Phước Hòa	-	3.718.017.300
Công trình Nước Trong	-	2.416.127.273
Công trình Tà Rục	-	440.441.000
Công trình K Rông Buk	-	193.026.057
Công trình Sê Rê Pok	-	443.853.736
Công trình Văn Phong	-	1.406.899.027
Công trình Định Bình	-	3.445.953.466
Công trình Trà Co	-	644.294.909
Cộng	-	22.939.914.674

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	6.497.446.727	5.589.028.909
Phải trả về cổ phần hóa	1.151.237.824	1.151.237.824
Phải trả khác	3.356.584.094	5.180.904.697
Văn phòng cty	2.181.047.911	3.518.060.714
Khách sạn Hải Âu	-	5.403.624
Văn phòng cty (Dư Có TK 1388)	1.083.523.425	1.231.102.635
Công trường Văn phong	-	44.807.051

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

Công trường Hoa Sơn	-	49.758.500
Công trường Krong Buk	-	166.596.124
Cty CP Du Lịch Hàm Hồ	92.012.758	165.176.049
Cộng	11.005.268.645	11.921.171.430

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	112.440.657.770	123.025.132.854
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND)	106.267.238.570	117.245.332.854
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (USD)	6.173.419.200	5.779.800.000
Nợ dài hạn	182.345.000.000	182.497.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 6 (CT Nước Trong)	46.807.000.000	-
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 6 (CT thủy điện Nước Trong)	39.743.000.000	86.000.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 7 (CT Tà Rục)	5.500.000.000	30.000.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 9	-	10.000.000.000
Công ty CP tư vấn xây dựng điện 1	17.337.000.000	28.800.000.000
Công ty CP TĐ Vĩnh Sơn Sông Hình	55.394.000.000	27.697.000.000
Ban QL ĐT và XD Thủy lợi 5	851.000.000	-
Công ty cp Thủy điện Buôn Đôn (CT Seropok 4A)	16.713.000.000	-
Cộng	294.785.657.770	305.522.132.854

23. Vốn chủ sở hữu

23.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại phụ lục số 02>

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước <25,96%>	20.764.270.000	13.842.850.000
Vốn góp của các đối tượng khác <74,04%>	59.235.730.000	66.157.150.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	39.750.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	40.250.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.000.000.000	19.950.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

23.4 Cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.000.000	3.975.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	8.000.000	3.975.000
Cổ phiếu phổ thông:	8.000.000	3.975.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	8.000.000	3.975.000
Cổ phiếu phổ thông:	8.000.000	3.975.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

23.5 Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	15.643.647.685	12.022.441.693
Quỹ dự phòng tài chính	5.159.862.437	3.952.793.773
Cộng	20.803.510.122	15.975.235.466

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

24. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần xây dựng 47</i>	<i>1.292.758.401.750</i>	<i>1.575.343.454.326</i>
Doanh thu bán hàng	5.389.159.615	3.926.105.848
Doanh thu thi công xây lắp chính	1.204.112.868.289	1.480.726.503.654
Dịch vụ khách sạn du lịch	55.020.891.763	47.472.787.006
Doanh thu nhượng bán vật tư	20.593.282.437	36.375.668.467
Doanh thu cho thuê tài sản	453.888.000	679.083.356
Dịch vụ thí nghiệm	18.360.613	489.776.934
Doanh thu khác	7.169.951.033	5.673.529.061
<i>Công ty cổ phần Du lịch Hàm Hô</i>	<i>2.749.261.680</i>	<i>2.257.018.609</i>
Cộng	1.295.507.663.430	1.577.600.472.935

25. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
Thuế tiêu thụ đặc biệt của khách sạn Hải Âu	73.432.347	42.132.170
Cộng	73.432.347	42.132.170

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

26. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần xây dựng 47</i>	<i>1.292.684.969.403</i>	<i>1.575.301.322.156</i>
Doanh thu bán hàng	5.389.159.615	3.926.105.848
Doanh thu thi công xây lắp chính	1.204.112.868.289	1.480.726.503.654
Dịch vụ khách sạn du lịch	54.947.459.416	47.430.654.836
Doanh thu nhượng bán vật tư	20.593.282.437	36.375.668.467
Doanh thu cho thuê tài sản	453.888.000	679.083.356
Dịch vụ thí nghiệm	18.360.613	489.776.934
Doanh thu khác	7.169.951.033	5.673.529.061
<i>Công ty cổ phần Du lịch Hàm Hô</i>	<i>2.749.261.680</i>	<i>2.257.018.609</i>
Cộng	1.295.434.231.083	1.577.558.340.765

27. Giá vốn bán hàng

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i>	<i>1.096.807.913.372</i>	<i>1.436.186.987.040</i>
Giá vốn bán hàng	3.697.086.568	3.852.593.216
Giá vốn thi công xây lắp chính	1.028.280.113.691	1.356.274.653.943
Giá vốn Dịch vụ KS Du Lịch	50.240.711.127	46.977.885.177
Giá vốn nhượng bán vật tư	14.554.159.100	29.081.854.704
Giá vốn hàng bán khác	35.842.886	-
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô</i>	<i>1.734.925.356</i>	<i>1.450.255.339</i>
Cộng	1.098.542.838.728	1.437.637.242.379

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i>	<i>5.403.870.664</i>	<i>4.924.834.691</i>
Lãi góp vốn từ Cty CP Thủy điện Định Bình	1.584.000.000	3.300.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.819.870.664	1.619.002.787
Chênh lệch tỷ giá	-	5.831.904
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô</i>	<i>51.581.240</i>	<i>35.811.548</i>
Cộng	5.455.451.904	4.960.646.239

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

29. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i>	<i>138.542.345.661</i>	<i>75.995.427.761</i>
Chi phí lãi vay	122.071.273.613	60.850.323.308
Phí bảo lãnh thực hiện các công trình	16.266.476.848	15.103.576.357
Chênh lệch tỷ giá	204.595.200	41.528.096
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hô</i>	<i>5.403.403</i>	<i>19.511.498</i>
Cộng	138.547.749.064	76.014.939.259
30. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Tiền thu hồi công nợ đã xử lý	-	199.654.696
Thu tiền bảo hiểm xe	160.790.000	418.083.000
Thu nhập khác	929.849.067	577.624.828
Cộng	1.090.639.067	1.195.362.524
31. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.516.838.676	8.620.057.026
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này.	-	-
32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i>	<i>1.352.248.572.744</i>	<i>1.409.871.651.007</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	686.617.505.213	816.798.024.035
Chi phí nhân công	212.943.938.374	194.863.192.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.428.960.247	59.020.649.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209.058.372.629	244.716.410.783
Chi phí khác bằng tiền	159.199.796.281	94.473.373.644
<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hô</i>	<i>1.133.101.782</i>	<i>1.450.255.339</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	509.593.750	376.181.845
Chi phí nhân công	237.768.653	255.409.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	329.408.000	288.828.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.331.379	529.835.858
Cộng	1.353.381.674.526	1.411.321.906.346

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua các nghiệp vụ cho thuê tài chính

Năm nay

- Tổng TSCD tăng trong kỳ
trong đó mua bằng cách nhận nợ

51.563.863.393

5.453.159.519

VIII Những thông tin khác

1. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 của Công ty cổ phần xây dựng 47 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động tiếp theo.

3. Những thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm nay

Năm trước

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

24.280.988.317

29.184.192.130

Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

8.000.000

3.975.000

Lãi trên cổ phiếu

3.035

7.342

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	69,52	67,71
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	30,48	32,29
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	88,20	88,02
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	11,65	11,82
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,13	1,14
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,06	1,08
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,13	0,04
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	2,46	2,40
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,87	1,85
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	2,43	3,06
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,85	2,36
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	30,35	36,48

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011

(tiếp theo)

Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho



Nguyễn Lương Am

Công ty cổ phần xây dựng 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2011

Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình hợp nhất

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư tại ngày 01/01/2011	59.934.161.058	367.357.786.578	141.008.329.323	11.475.520.599	2.936.449.852	582.712.247.410
2. Số tăng trong năm	15.786.280.093	41.399.872.885	5.423.283.637	1.047.924.334	165.339.918	63.822.700.867
- Mua sắm mới	4.124.683.983	41.399.872.885	5.423.283.637	450.682.970	165.339.918	51.563.863.393
- Xây dựng mới	11.661.596.110	-	-	597.241.364	-	12.258.837.474
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	907.800.000	444.635.998	-	-	-	1.352.435.998
- Thanh lý	907.800.000	444.635.998	-	-	-	1.352.435.998
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 31/12/2011	74.812.641.151	408.313.023.465	146.431.612.960	12.523.444.933	3.101.789.770	645.182.512.279
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư tại ngày 01/01/2011	11.867.044.356	143.897.028.241	48.987.156.263	5.802.099.749	310.178.000	210.863.506.609
2. Khấu hao trong năm	2.764.577.381	56.215.260.570	21.821.319.973	2.168.759.137	209.844.000	83.179.761.061
- Trích trong năm	2.764.577.381	56.215.260.570	21.821.319.973	2.168.759.137	209.844.000	83.179.761.061
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	907.800.000	443.815.364	-	-	-	1.351.615.364
- Thanh lý	907.800.000	443.815.364	-	-	-	1.351.615.364
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 31/12/2011	13.723.821.737	199.668.473.447	70.808.476.236	7.970.858.886	520.022.000	292.691.652.306
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày 01/01/2011	48.067.116.702	223.460.758.337	92.021.173.060	5.673.420.850	2.626.271.852	371.848.740.801
2. Tại ngày 31/12/2011	61.088.819.414	208.644.550.018	75.623.136.724	4.552.586.047	2.581.767.770	352.490.859.973

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay

208.572.713.655

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

54.985.214.653

Công ty cổ phần xây dựng 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2011

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước									
1. Số dư đầu năm	39.750.000.000	9.897.900.000	10.449.146.977	-	5.868.299.085	2.496.545.980	46.384.893	15.891.682.333	84.399.959.268
- Tăng vốn trong năm trước	40.250.000.000	13.569.750.000	-	-	-	-	-	-	53.819.750.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	29.184.192.130	29.184.192.130
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	6.154.142.608	1.456.247.793	5.891.731	-	7.616.282.132
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	19.992.788.655	19.992.788.655
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	-	-	9.083.085.808	9.083.085.808
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	6.154.142.608	6.154.142.608
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	1.456.247.793	1.456.247.793
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	1.456.247.793	1.456.247.793
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	16.447.614	16.447.614
2. Số dư cuối năm	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	-	12.022.441.693	3.952.793.773	52.276.624	16.000.000.000	145.944.309.067
Năm nay									
1. Số dư ngày 01/01/2011	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	-	12.022.441.693	3.952.793.773	52.276.624	16.000.000.000	145.944.309.067
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	24.280.988.317	24.280.988.317
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.621.205.992	1.207.068.664	-	-	4.828.274.656
- Tăng khác	-	-	-	525.283	-	-	-	101.533.620	102.058.903
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	-	-	6.045.123.999	6.045.123.999
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	3.621.205.992	3.621.205.992
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	1.207.068.664	1.207.068.664
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	1.207.068.664	1.207.068.664
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	9.780.679	9.780.679
2. Số dư ngày 31/12/2011	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	525.283	15.643.647.685	5.159.862.437	52.276.624	18.337.397.938	153.110.506.944

Công ty cổ phần xây dựng 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2011

Phụ lục số 03: Bảng xác định lợi ích của cổ đông thiểu số

TT	Chi tiêu	Vốn chủ sở hữu	Công ty Cổ phần XD 47	Lợi ích của cổ đông thiểu số
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	7.219.000.000	5.330.000.000	1.889.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
3	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
4	Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
5	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	70.806.751	52.276.624	18.530.127
6	Lợi nhuận chưa phân phối	304.760.406	225.004.608	79.755.798
	Cộng	7.594.567.157	5.607.281.232	1.987.285.925

